

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 11 -2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Lê Truyền Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trần Minh Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ly Na – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Ông **Mai Hồ N** – Sinh năm 19xx – Địa chỉ: Đường Đ, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

\* *Bị đơn:* Bà **Phan Thị Thái T** – Sinh năm 19xx - Địa chỉ: Đường L, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Mai Hồ N trình bày:

Ông kết hôn với bà Phan Thị Thái T vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian quen biết khoảng 04 tháng qua sự giới thiệu của người quen. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống tại địa chỉ đường A, phường U, quận K, thành phố Đà Nẵng. Kết hôn được 01 tháng thì ông đi tù vì tội đánh bạc, đến tháng 03 năm 2020 ông ra tù về lại địa phương. Trong thời gian chấp hành án, ông nghe tin bà T có quan hệ tình cảm với người khác. Sau khi ra tù ông thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên ông có bàn bạc với bà T về việc thuận tình ly hôn. Bà T đồng ý và bảo ông làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án, khi nào có giấy

báo của Tòa án thì bà T sẽ đến Tòa án để giải quyết. Tuy nhiên, ông chưa kịp làm thủ tục ly hôn thì tháng 5 năm 2020 bà T bị bắt vì tội lừa đảo và phải đi tù 12 tháng. Đến tháng 5 năm 2021 bà T ra tù và về sống tại nhà mẹ ruột tại địa chỉ đường L, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Từ khi bà T ra tù đến nay, vợ chồng ông sống mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được mẹ bà T khuyên giải nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, ông N xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông N yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Thái T.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Phan Thị Thái T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là bà Phan Thị Thái T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của ông Mai Hồ N về việc ly hôn với bà Phan Thị Thái T; con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về thủ tục tố tụng:**

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Phan Thị Thái T có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là bà Phan Thị Thái T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **Về nội dung:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Hồ N và bà Phan Thị Thái T tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2018 ngày

17/7/2018). Hôn nhân giữa ông N và bà T đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Mai Hồ N kiên quyết xin ly hôn với bà Phan Thị Thái T. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, thời gian chung sống giữa ông Mai Hồ N và bà Phan Thị Thái T rất ngắn; vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi nhau dẫn đến tình cảm với nhau không còn. Biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương nơi bà T sinh sống cũng thể hiện ông N và bà T không chung sống cùng nhau kể từ khi bà T đi tù về (tháng 5/2021) đến nay. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Mai Hồ N xin ly hôn là có căn cứ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Phan Thị Thái T đến để hòa giải nhưng bà T vẫn vắng mặt chứng tỏ bà T không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Hồ N.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Hồ N xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Mai Hồ N phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hồ N đối với bà Phan Thị Thái T.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Mai Hồ N được ly hôn với bà Phan Thị Thái T.

**2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung:** Ông Mai Hồ N xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

**3. Về án phí:** Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Mai Hồ N phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0005580 ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Mai Hồ N đã nộp đủ án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Ông Mai Hồ N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Phan Thị Thái T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Thảo**